Người ký: Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân
Email: vpubdautieng@binhduong.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh Bình Dương
Thời gian ký: 08.01.2021 13:58:44 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04 /QĐ-UBND	*Dầu Tiếng, ngày 07 tháng 01 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trại chăn nuôi heo của bà Lê Thị Bích Thủy Theo mô hình trại lạnh, quy mô chăn nuôi 5.000 con heo nái sinh sản Địa điểm: xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 6/5/2015 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06 /5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Xét đề nghị của Phòng Quản lý Đô thị tại Tờ trình số 831/TTr-QLĐT ngày 31/12/2020 về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trại chăn nuôi heo của bà Lê Thị Bích Thủy theo mô hình trại lạnh, quy mô chăn nuôi 5.000 con heo nái sinh sản.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trại chăn nuôi heo của bà Lê Thị Bích Thủy theo mô hình trại lạnh, quy mô chăn nuôi 5.000 con heo nái sinh sản *(gọi tắt là Quy hoạch Trại heo của bà Lê Thị Bích Thủy)* với nội dung như sau:

I. Thông tin cơ bản của đồ án quy hoạch

1. Tên đồ án: Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trại chăn nuôi heo của bà Lê Thị Bích Thủy theo mô hình trại lạnh, quy mô chăn nuôi 5.000 con heo nái sinh sản.

2. Chủ đầu tư : Hộ kinh doanh Lê Thị Bích Thủy.

- Địa điểm kinh doanh: Ấp Tân Minh, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 5254 do Ủy ban nhân dân huyện Dầu Tiếng cấp đăng ký lần đầu ngày 17/10/2014.

- Địa điểm lập quy hoạch: Thửa đất số 617, 498, 499, 249, tờ bản đồ số 05, ấp Đồng Sơn, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

3. Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH tư vấn Kiến trúc – Quy hoạch A.A.P.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô F11, khu nhà C2-C4, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng số BDG-00017836 theo Quyết định số 138/QĐ-SXD ngày 08/11/2018 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương cấp cho Công ty TNHH Tư vấn Kiến trúc – Quy hoạch A.A.P.

- Cá nhân lập Quy hoạch: Chủ nhiệm đồ án KTS. Nguyễn Minh Trung và cá nhân tham gia có đủ năng lực hành nghề thiết kế quy hoạch.

4. Danh mục hồ sơ, bản vẽ đồ án quy hoạch:

- Thuyết minh tổng hợp, bản vẽ A3 thu nhỏ; phụ lục kèm theo thuyết minh (Các giải trình, Giải thích, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; Bản vẽ minh họa; Các số liệu tính toán). Phụ lục đính kèm văn bản pháp lý liên quan.

- Thành phần bản vẽ:

+ HT01 - Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất tỷ lệ 1/5.000

+ HT02 - Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan, hạ tầng xã hội và đánh giá đất xây dựng tỷ lệ 1/500.

+ HT03 - Bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500.

+ HT04 - Bản đồ hiện trạng môi trường tỷ lệ 1/500.

+ QH01 - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất tỷ lệ 1/500.

+ QH02 - Bản đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan tỷ lệ 1/500.

+ QH03 - Bản vẽ quy định việc kiểm soát về kiến trúc, cảnh quan trong khu vực lập quy hoạch.

+ QH04 - Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật tỷ lệ 1/500.

+ QH05 - Bản đồ quy hoạch cao độ nền và thoát nước mưa đô thị tỷ lệ 1/500.

+ QH06 - Bản đồ quy hoạch cấp nước đô thị tỷ lệ 1/500.

+ QH07 - Bản đồ quy hoạch thoát nước thải và xử lý cất thải rắn tỷ lệ 1/500.

+ QH08 - Bản đồ quy hoạch hệ thống cấp điện tỷ lệ 1/500.

+ QH09 - Bản đồ quy hoạch hệ thống chiếu sáng tỷ lệ 1/500.

+ QH10 - Bản đồ quy hoạch hệ thống thông tin liên lạc tỷ lệ 1/500.

+ QH11 - Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống tỷ lệ 1/500.

+ QH12 - Bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược.

- Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch, bản vẽ A3 thu nhỏ kèm theo.

- Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ và đồ án quy hoạch.

- Đĩa CD lưu trữ.

II. Vị trí, giới hạn, quy mô, tính chất và mục tiêu quy hoạch.

1. Vị trí, giới hạn khu đất lập quy hoạch:

Khu đất thực hiện dự án có vị trí tại thửa đất số 617, 498, 499, 249, tờ bản đồ số 05, ấp Đồng Sơn, xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương như sau:

- Phía Bắc: giáp đường đất 4m và phía bên kia đường là đất trồng cây cao su, đất trại heo của bà Võ Thị Thanh Thảo;

- Phía Nam: giáp đường đất 4m và phía bên kia đường là đất trồng cây cao su, đất trại heo của bà Võ Thị Ba;

- Phía Đông: giáp đường đất 2,5m và phía bên kia đường là đất trồng cao su;

- Phía Tây: giáp đường đất 4m và phía bên kia đường là đất trại heo của bà Võ Thị Ba.

2. Quy mô: Diện tích lập quy hoạch là 316.776,5m^2

3. Tính chất:

Là khu nông nghiệp chất lượng cao. Với loại hình nông nghiệp hạn chế gây ô nhiễm đến môi trường.

4. Mục tiêu:

- Xây dựng mô hình chăn nuôi heo quy mô lớn theo hướng trang trại tập trung chuỗi giá trị: xây dựng tiêu chuẩn, thương hiệu, xúc tiến phát triển thị trường và góp phần phát triển kinh tế xã hội.

+ Phát triển chăn nuôi heo để tăng hiệu quả các nguồn nguyên liệu, phế phụ phẩm từ nông nghiệp nhằm tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội và xuất khẩu.

+ Phát triển chăn nuôi heo phải gắn chặt với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của huyện Dầu Tiếng nói riêng và của tỉnh Bình Dương nói chung.

+ Dự án khi đi vào hoạt động sẽ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá và hội nhập nền kinh tế của địa phương, của tỉnh Bình Dương cũng như cả nước.

+ Dự án đi vào hoạt động tạo công ăn việc làm với thu nhập ổn định cho

người dân, góp phần giải quyết tình trạng thất nghiệp và lành mạnh hoá môi trường xã hội tại địa phương.

- Lập đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh, quy mô chăn nuôi 5.000 con heo nái sinh sản tại xã Minh Thạnh, huyện Dầu Tiếng phù hợp với Quy chuẩn, Tiêu chuẩn hiện hành thuận tiện cho công tác quản lý của cơ quan nhà nước.

III. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của đồ án:

1. Chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

- Mật độ xây dựng thuần (net-to) khu đất: ≤ 70 %.

- Tỷ lệ đất cây xanh: ≥ 20%.

- Tầng cao xây dựng tối đa: 01 tầng.

- Chiều cao xây dựng công trình tối đa: 25m.

- Hệ số sử dụng đất toàn khu: ≤ 1 lần.

2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:

Cấp nước: Nước cấp cho heo: 20 l/con/ngđ; Nước cấp chuồng trại: 2l/m^2 sàn; Nước sinh hoạt cho một người trong ca làm việc: ≥50 lít/người/ngđ; Nước tưới cây: 0,5l/m^2; Nước chữa cháy: 15l/s/đám cháy.

Cấp điện: Cấp điện nhà trại nuôi heo: 3 W/m^2 sàn; Các công trình hành chính, hạ tầng: 10 W/m^2 sàn; Xử lý nước thải: 50 W/m^2 sàn.

Thu gom nước thải và VSMT: Nước thải sản xuất: 80% lượng nước cấp; Nước thải sinh hoạt: 100% lượng nước cấp; Chất thải rắn công nghiệp: 1 tấn/ngày/ha.

3. Quy hoạch sử dụng đất (quy hoạch tổng mặt bằng):

Đề xuất quy hoạch sử dụng đất với các thành phần đất đảm bảo phù hợp với Tiêu chuẩn, Quy chuẩn Việt Nam và nhu cầu của nhà đầu tư cụ thể như sau:

- Chủ đầu tư 03 dự án trại chăn nuôi heo (trại heo của bà Võ Thị Thanh Thảo, trại heo của bà Lê Thị Bích Thủy và trại heo của bà Võ Thị Ba) sẽ thỏa thuận đầu tư sử dụng chung tuyến đường số 1 (tuyến đường nội bộ liên kết 3 khu trại với lộ giới 7m), điểm bắt đầu từ đường xã hiện hữu phía Tây Bắc dự án trại heo của bà Võ Thị Thanh Thảo kết nối ra đường ĐH.707 về phía Bắc, sau đó cập ranh phía Bắc và phía Tây dự án trại heo của bà Võ Thị Thanh Thảo, tiếp theo cập ranh phía Tây Nam trại heo của bà Lê Thị Bích Thủy, kết thúc tại Khu xử lý nước thải tập trung của 3 khu trại heo (thuộc dự án trại chăn nuôi heo của bà Võ Thị Ba) về phía Nam.

- Xác định lối vào chính tại nút giao Đường số 1 và đường số 6. Tại lối vào chính bố trí cổng trại, nhà bảo vệ, nhà sát trùng xe, phòng xông ozon nhằm kiểm soát người và xe vào trại, đảm bảo chất lượng sản phẩm cũng như đảm bảo an ninh và phòng ngừa dịch bệnh có thể xảy ra.

- Từ cổng chính (lối vào chính của trại heo) tổ chức trục đường chính bao quanh khu đất (đường số 6, lộ giới 7m) kết nối với cổng phụ (lối ra chính của trại heo) trên đường số 1 và nối liền các tuyến đường nội bộ trong khu với hệ thống giao thông đối ngoại, đây là tuyến giao thông chính của trại heo. Trên đường số 6, đoạn cập ranh phía Tây Bắc (khu vực giáp ra dự án trại chăn nuôi heo của bà Võ Thị Thanh Thảo) trại chăn nuôi heo tổ chức 01 lối vào phụ kết nối với đường đất hiện hữu - đây là cổng đóng chỉ phục vụ cho xe chữa cháy đi vào trại và thoát người khi sự cố xảy ra.

- Tại vị trí cổng ra chính của trại heo bố trí nhà xuất heo và nhà kho chứa rác thải sinh hoạt nhằm kiểm soát người và xe ra trại và tránh tình trạng xe lấy rác đi vào khu trại.

- Khu vực bố trí các công trình chăn nuôi, tổ chức các trục giao thông phụ (đường số 7,8,9) kết nối Bắc Nam đường số 6 thành một khung giao thông liên hoàn cho toàn bộ khu vực, phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy, cách mặt sau 2 dãy công trình chăn nuôi (nhà heo cai sữa, nhà heo nái đẻ, nhà heo nái mang thai, nhà heo nái chờ phối, nhà heo nọc, nhà heo nái loại, nhà heo nái cách ly) là 11,5m, đây cũng là ranh giới phân định 02 khu chức năng chính của trại heo (Khu vực văn phòng và Khu vực chuồng trại chăn nuôi).

- Khu vực chuồng trại chăn nuôi heo được bố trí ở vị trí trung tâm khu đất, cách khu dịch vụ văn phòng từ 50m đến 100m về phía Đông Nam, cách ranh quy hoạch điểm gần nhất khoảng 50m. Dự án bố trí 2 khu vực xây dựng công trình chăn nuôi, trong đó mỗi khu vực bố trí thành 2 dãy nhà gồm các công trình chăn nuôi như: nhà heo cai sữa gồm 13 công trình, nhà heo nái đẻ 07 công trình, nhà heo nái mang thai 07 công trình, nhà heo chờ phối 01 công trình, nhà heo nọc 01 công trình, nhà heo nái loại 01 công trình, nhà heo cách ly 02 công trình, các công trình cách nhau tối thiểu 8m, được kết nối với nhau thông qua lối đi 4m. Lối đi này chỉ phục vụ cho xe chuyên dụng và xe chữa cháy, không phục vụ cho xe tải. Tại các lối vào của khu vực chuồng trại bố trí kho vôi, tháp nước cho heo uống và bể chứa nước để phục vụ trong quá trình chăn nuôi heo.

- Xung quanh các công trình chăn nuôi, dọc theo các tuyến giao thông nội bộ trong khu, tổ chức các mảng xanh lớn nhằm cải thiện môi trường vi khí hậu cũng như đảm bảo chất lượng môi trường sống của người dân trong khu vực lân cận khi trại chăn nuôi heo đi vào hoạt động sản xuất.

Bảng 1. Bảng thống kê cơ cấu sử dụng đất

Stt	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất xây dựng công trình	55.309,0	17,46
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	22.596,0	7,13
3	Đất cây xanh	198.997,1	62,82
4	Đất giao thông, sân bãi	36.345,1	11,47

5	Đất hành lang an toàn đường bộ	3.529,3	1,11
1+2+3+4+5	**Tổng ranh đất**	**316.776,5**	**100,00**
	Mật độ bruto theo QCVN 01:2009	70,00	
	Mật độ bruto theo diện tích XD	17,46	

Bảng 2: Bảng thống kê chi tiết sử dụng đất từng lô

Stt	Ký hiệu	Hạng mục	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao XD	Chiều cao XD tối đa	Diện tích sàn tối đa
I		Đất xây dựng công trình	55.309,0	17,46	1	6,0	55.309,0
1		Công trình chăn nuôi	52.608,1	16,61	1	6,0	52.608,1
1.1	A2.1->A2.13	Nhà heo cai sữa	23.371,4	7,38	1	6,0	23.371,4
	A2.1	*Nhà heo cai sữa 1*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.2	*Nhà heo cai sữa 2*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.3	*Nhà heo cai sữa 3*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.4	*Nhà heo cai sữa 4*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.5	*Nhà heo cai sữa 5*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.6	*Nhà heo cai sữa 6*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.7	*Nhà heo cai sữa 7*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.8	*Nhà heo cai sữa 8*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.9	*Nhà heo cai sữa 9*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.10	*Nhà heo cai sữa 10*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.11	*Nhà heo cai sữa 11*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.12	*Nhà heo cai sữa 12*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
	A2.13	*Nhà heo cai sữa 13*	*1.797,8*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.797,8*
1.2	A3.1->A3.7	Nhà heo nái đẻ	11.008,4	3,48	1	6,0	11.008,4
	A3.1	*Nhà heo nái đẻ 1*	*851,6*	*0,27*	*1*	*6,0*	*851,6*
	A3.2	*Nhà heo nái đẻ 2*	*1.692,8*	*0,53*	*1*	*6,0*	*1.692,8*
	A3.3	*Nhà heo nái đẻ 3*	*1.692,8*	*0,53*	*1*	*6,0*	*1.692,8*
	A3.4	*Nhà heo nái đẻ 4*	*1.692,8*	*0,53*	*1*	*6,0*	*1.692,8*
	A3.5	*Nhà heo nái đẻ 5*	*1.692,8*	*0,53*	*1*	*6,0*	*1.692,8*
	A3.6	*Nhà heo nái đẻ 6*	*1.692,8*	*0,53*	*1*	*6,0*	*1.692,8*
	A3.7	*Nhà heo nái đẻ 7*	*1.692,8*	*0,53*	*1*	*6,0*	*1.692,8*
1.3	A4.1->A4.7	Nhà heo nái mang thai	12.628,0	3,99	1	6,0	12.628,0
	A4.1	*Nhà heo nái mang thai 1*	*1.804,0*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.804,0*
	A4.2	*Nhà heo nái mang thai 2*	*1.804,0*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.804,0*
	A4.3	*Nhà heo nái mang thai 3*	*1.804,0*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.804,0*
	A4.4	*Nhà heo nái mang thai 4*	*1.804,0*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.804,0*
	A4.5	*Nhà heo nái mang thai 5*	*1.804,0*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.804,0*

	A4.6	*Nhà heo nái mang thai 6*	*1.804,0*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.804,0*
	A4.7	*Nhà heo nái mang thai 7*	*1.804,0*	*0,57*	*1*	*6,0*	*1.804,0*
1.4	A5	Nhà heo nái chờ phối	1.784,4	0,56	1	6,0	1.784,4
1.5	A6	Nhà heo nọc	1.013,9	0,32	1	6,0	1.013,9
1.6	A7	Nhà heo nái loại	420,6	0,13	1	6,0	420,6
1.7	A8.1->A8.2	Nhà heo cách ly	2.381,4	0,75	1	6,0	2.381,4
	A8.1	*Nhà heo cách ly 1*	*1.190,7*	*0,38*	*1*	*6,0*	*1.190,7*
	A8.2	*Nhà heo cách ly 2*	*1.190,7*	*0,38*	*1*	*6,0*	*1.190,7*
2	E4	Nhà văn phòng/hành chính	174,4	0,06	1	6,0	174,4
3	F2	Cổng trại, nhà bảo vệ, nhà sát trùng xe, phòng xông ozon	290,8	0,09	1	6,0	290,8
4	G2	Khu vực đặt kho cms và silo trung tâm	252,1	0,08	1	25,0	252,1
5	H2	Kho cám bao	118,1	0,04	1	5,0	118,1
6	I2	Nhà để xe nội bộ	217,8	0,07	1	5,0	217,8
7	M2	Nhà xuất heo	180,0	0,06	1	6,0	180,0
8	R2	Nhà kho chứa rác thải sinh hoạt	36,0	0,01	1	5,0	36,0
9	X1->X2	Nhà nghỉ trưa, trực đêm	85,3	0,03	1	5,0	85,3
	X1	Nhà nghỉ trưa, trực đêm 1	21,3	0,01	1	5,0	21,3
	X2	Nhà nghỉ trưa, trực đêm 2	21,3	0,01	1	5,0	21,3
	X3	Nhà nghỉ trưa, trực đêm 3	21,3	0,01	1	5,0	21,3
	X4	Nhà nghỉ trưa, trực đêm 4	21,3	0,01	1	5,0	21,3
10	V3->V6	Nhà vệ sinh công nhân	101,0	0,03	1	5,0	101,0
	V3	*Nhà vệ sinh công nhân 1*	25,2	0,01	1	5,0	25,2
	V4	*Nhà vệ sinh công nhân 2*	25,2	0,01	1	5,0	25,2
	V5	*Nhà vệ sinh công nhân 3*	25,3	0,01	1	5,0	25,3
	V6	*Nhà vệ sinh công nhân 4*	25,3	0,01	1	5,0	25,3
11	N2->N3	Kho vôi sát trùng	72,0	0,02	1	5,0	72,0
	N2	Kho vôi sát trùng 1	36,0	0,01	1	5,0	36,0
	N3	Kho vôi sát trùng 2	36,0	0,01	1	5,0	36,0
12	T2	Nhà máy phát điện	90,0	0,03	1	5,0	90,0
13	T3	Trạm biến áp	35,8	0,01	1	5,0	35,8
14	O4->O5	Tháp nước	18,0	0,01	1	5,0	18,0

	O4	Tháp nước cấp heo uống 1	9,0	0,00	1	5,0	9,0
	O5	Tháp nước cấp heo uống 2	9,0	0,00	1	5,0	9,0
15	Q4->Q5	Giếng	18,0	0,01	1	5,0	18,0
	Q4	Giếng 1	9,0	0,00	1	5,0	9,0
	Q5	Giếng 2	9,0	0,00	1	5,0	9,0
16	P3->P4	Bể chứa nước thô	150,0	0,05	1	5,0	150,0
	P3	Bể chứa nước thô 2	75,0	0,02	1	5,0	75,0
	P4	Bể chứa nước thô 3	75,0	0,02	1	5,0	75,0
17	Z	Kho vật tư điện nước thay thế	306,6	0,10	1	5,0	306,6
18	S1->S2	Nhà chứa phân heo	325,0	0,10	1	5,0	325,0
	S1	Nhà chứa phân heo 1	162,5	0,05	1	5,0	162,5
	S2	Nhà chứa phân heo 2	162,5	0,05	1	5,0	162,5
19	RV	Nhà rửa vi	180,0	0,06	1	5,0	180,0
20	DX	Nhà đốt xác	50,0	0,02	1	5,0	50,0
II		Đất hạ tầng kỹ thuật	22.596,0	7,13			
1	DH1	Hồ điều hòa	96,0	0,03			
2	W1->W5	Hồ chứa nước sạch	22.500,0	7,10			
	W1	Hồ chứa nước sạch 1	4.500,0	1,42			
	W2	Hồ chứa nước sạch 2	4.500,0	1,42			
	W3	Hồ chứa nước sạch 3	4.500,0	1,42			
	W4	Hồ chứa nước sạch 4	4.500,0	1,42			
	W5	Hồ chứa nước sạch 5	4.500,0	1,42			
III		Đất cây xanh	198.997,1	62,82			
IV		Đất giao thông, sân bãi	36.345,1	11,47			
1		Đất giao thông	30.352,1	9,58			
2		Đất sân bãi, lối đi	5.993,0	1,89			
V		Đất hành lang an toàn đường bộ	3.529,3	1,11			
I+II+ III+IV+V		**Tổng ranh đất**	**316.776,5**	**100,00**			

2. Tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan

2.1. Về mặt bằng tổng thể

Mặt bằng tổng thể không gian trại chăn nuôi heo được tổ chức với mục tiêu đảm bảo tính hiệu quả và tối ưu các không gian mở, cây xanh cho công nhân viên trại heo. Các khối công trình chăn nuôi bố trí tập trung để đảm bảo mỹ quan chung toàn khu đảm bảo khoảng cách gần nhất đến nhà dân là 20m. Các khối công trình hành chính, dịch vụ bố trí bám theo trục đường chính (đường số 6), thuận tiện cho

giao thông tiếp cận và kết hợp với mảng xanh tại khu vực này để tạo không gian mở nhằm đảm bảo sức khỏe cho nhân viên nhà xưởng.

Phương án bố trí tổng mặt bằng vừa đảm bảo được hiệu quả kinh tế cho chủ đầu tư, vừa đem lại các giá trị về cảnh quan, thiên nhiên cho người lao động nhờ giải pháp tập trung các mảng xanh tạo không gian mở lớn.

2.2. Hệ thống cây xanh

Hệ thống cây xanh bao gồm:

- Cây xanh tập trung: có 02 mảng lớn bố trí khu vực giữa đường số 7, số 8. Mảng xanh chính có tác dụng tạo cảnh quan cho lối vào, đồng thời tạo cây xanh bóng mát và cải tạo khí hậu cho toàn khu.

- Cây xanh phân tán: bố trí xung quanh các khối công trình chăn nuôi, công trình dịch vụ - văn phòng tạo môi trường vi khi hậu, tái tạo không khí cho người lao động.

Quy hoạch cây xanh tuân thủ định hướng của đồ án và các quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng và các quy định khác có liên quan.

Bố trí cây xanh tạo khoảng cách ly bao quanh trại chăn nuôi heo với khoảng cách ly 20m, đảm bảo theo Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 16 tháng 06 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, đặc biệt là tại các vị trí tiếp giáp với xung quanh nhằm tạo không gian cảnh quan, tránh ảnh hưởng đến khu lân cận và cải thiện môi trường vi khí hậu cho toàn khu vực. Ưu tiên trồng các loại cây có tác dụng lọc bỏ chất độc hại và ô nhiễm không khí.

Lựa chọn các cây xanh thích hợp trồng tại các khoảng trống giữa các hạng mục công trình, trên tuyến đường giao thông nội bộ, sân bãi của trại, có tác dụng điều hoà vi khí hậu cho khu vực, và tạo dải phân cách nhằm hạn chế được mùi hôi phát sinh từ dự án theo gió phân tán ra khu vực xung quanh dự án.

Cây xanh dọc theo các tuyến giao thông là cây tán rộng tạo bóng mát, phù hợp với điều kiện tự nhiên khu vực phía Bắc vùng tỉnh Bình Dương, khuyến khích các loại cây có hoa hạn chế sự đơn điệu, hình thành nét đặc thù trong khu vực. Tùy theo những tuyến đường mà chọn các loại cây có tán phù hợp.

2.3. Hệ thống giao thông

Hệ thống đường giao thông bao gồm:

- Trục giao thông đối ngoại chính của khu trại được xác định từ đường số 1, cập ranh phía Tây dự án được quy hoạch với lộ giới 7m kết nối đường xã hiện hữu nối ra đường ĐH.707 về phía Bắc và trại heo của bà Võ Thị Thanh Thảo, kết nối với đường xã D-13 về phía Nam.

- Trục chính là đường số 6 (lộ giới 7m) được xác định là đường xe tải đơn: bố trí bao quanh ranh khu quy hoạch, là trục giao thông trung tâm kết nối thông suốt toàn khu dự án, tiếp cận từ cổng chính (lối vào chính) và kết thúc tại cổng phụ (lối ra chính) trên đường số 1.

- Các tuyến giao thông phụ bao gồm đường số 9 kết nối Bắc Nam trục chính khu trại. Ngoài ra còn có các đường số 7 và số 8 chạy dọc hai bên khu công trình chăn nuôi kết nối đường số 6. Tạo thành mạng lưới giao thông liên tục kết nối toàn khu vực.

3. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

3.1. Quy hoạch hệ thống giao thông:

a. Giao thông đối ngoại:

Hệ thống giao thông của khu quy hoạch được đấu nối từ đường số 1 cập ranh phía Tây khu đất được quy hoạch với lộ giới 7m ra đường ĐH.707 về phía Bắc và dự án trại heo của bà Võ Thị Thanh Thảo, kết nối với đường xã D-13 về phía Nam và dự án trại heo của bà Võ Thị Ba. Đây là trục giao thông đối ngoại chính của toàn khu.

b. Giao thông đối nội:

Mạng lưới giao thông trong khu quy hoạch là mạng lưới giao thông nội bộ. Mạng lưới đường nội bộ, sân bãi được thiết kế đảm bảo đáp ứng lưu lượng giao thông, xuất nhập hàng hóa, cũng như tiếp cận đến các nhà xưởng, tách riêng đường xuất nhập hàng hóa và đường xe chuyên dụng.

Vị trí cổng chính (lối vào chính) và cổng phụ (lối ra chính) được xác định trên đường số 1.

Từ cổng chính (lối vào chính của trại heo) tổ chức trục đường chính bao quanh khu đất (đường số 6, lộ giới 7m) kết nối với cổng phụ (lối ra chính của trại heo) trên đường số 1 và nối liền các tuyến đường nội bộ trong khu với hệ thống giao thông đối ngoại, đây là tuyến giao thông chính của trại heo. Trên đường số 6, đoạn cập ranh phía Bắc trại chăn nuôi heo tổ chức 01 lối vào phụ kết nối với đường xã hiện hữu (lộ giới 6m) - đây là cổng đóng chỉ phục vụ cho xe chữa cháy đi vào trại và thoát người khi sự cố xảy ra.

Tổ chức trục giao thông phụ (đường số 9, với lộ giới 7m) kết nối Bắc Nam với trục chính nhằm rút ngắn khoảng cách kết nối giữa hai cổng ra vào trại, đồng thời là tuyến đường song song với đường số 1, nhằm giảm lưu lượng giao thông tên tuyến đường này.

Từ trục chính (đường số 6) tổ chức 02 tuyến giao thông nội bộ Bắc Nam (đường số 7 và số 8, lộ giới 7m) phục vụ cho công tác phòng cháy chữa cháy, cách mặt sau 2 dãy công trình chăn nuôi (nhà heo cai sữa, nhà heo nái đẻ, nhà heo nái mang thai) 11,5m, tạo thành một hệ thống giao thông liên hoàn cho toàn bộ khu vực quy hoạch.

Các tuyến giao thông nội bộ của dự án được thiết kế đảm bảo cho 02 làn xe chạy, phục vụ cho xe tải đơn, xe chuyên dụng, xe PCCC. Bán kính bó vỉa R=13m.

Đối với đường giao thông nội bộ không quy định về khoảng lùi công trình, không tổ chức vỉa hè, các hệ thống hạ tầng kỹ thuật đi dưới lòng đường hoặc trong phần đất cây xanh thảm cỏ, phần đi ngầm dưới lòng được thiết kế chịu lực phù

hợp theo quy định.

Bảng 2. Bảng thống kê hệ thống giao thông

STT	Tên đường	Mặt cắt	Vỉa hè trái (m)	Lòng đường (m)	Vỉa hè phải (m)	Lộ giới (m)
A	**Giao thông đối ngoại**					
1	Đường xã (Phía Đông Nam bà Võ Thị Thanh Thảo)	2-2	0	6	0	6
2	Đường Số 1	1-1	0	7	0	7
B	**Giao thông nội bộ**					
1	Đường Số 6	1-1	0	7	0	7
2	Đường Số 7	1-1	0	7	0	7
3	Đường Số 8	1-1	0	7	0	7
4	Đường Số 9	1-1	0	7	0	7
Khoảng lùi					0	
Tổng diện tích giao thông (m^2)					**30.352,1**	

3.2. Quy hoạch san nền;

Lựa chọn và xác định cao độ xây dựng:

- Nguyên tắc chính: Phương án thiết kế cố gắng bám sát cao độ nền tự nhiên cân đối đào đắp, tạo mặt bằng xây dựng công trình và đường giao thông. Tôn trọng cao độ tự nhiên và hướng dốc tự nhiên của nền địa hình.

- Phương án san nền đã rà soát hiện trạng cao độ cốt nền tại vị trí giao giữa tuyến đường đất và tuyến đường ĐH.707 hiện hữu 55,10m. Và bám sát cao độ nền tự nhiên này để thiết kế tuyến đường đảm bảo khả năng kết nối giao thông của khu vực vào tuyến đường ĐH.707 một cách an toàn và hiệu quả.

- Giữ nguyên cao độ hiện trạng tại các vị trí giao với các tuyến đường đất hiện hữu ở phía Bắc của khu vực quy hoạch. Tiến hành đào đắp sao cho đảm bảo thuận lợi cho xây dựng công trình và độ dốc thoát nước.

- Thiết kế quy hoạch san nền được khống chế bằng cao độ nền tại điểm giao nhau của các tuyến đường, cao độ nền xây dựng các công trình, các điểm đặc biệt làm cơ sở cho công tác quản lý và lập dự án trong từng khu vực trong các giai đoạn tiếp theo.

3.3. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

Nguồn tiếp nhận: Mạng lưới thoát nước mưa của khu vực là thoát nước riêng. Nước mưa sau khi thu gom vào hệ thống cống thoát nước chạy dọc theo các tuyến giao thông. Nước mưa của khu vực chỉ có một lưu vực thoát nước mưa bám theo phương án thiết kế san nền, dốc từ phía Đông Bắc sang phía Tây Nam rồi chảy về suối Bà Và. Nước mưa sau khi thu gom vào hệ thống sẽ được thoát vào các hồ điều tiết và thoát dần vào tuyến cống thoát nước mưa chính đầu tư mới đường kính cống D1000mm sau đó thoát vào suối Bà Và hiện hữu (đã có văn bản thoả

thuận đấu nối hệ thống thoát nước mưa).

Thiết kế hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước mưa và nước thải chảy trong hai hệ thống riêng.

Toàn bộ hệ thống thoát nước bám theo hướng dốc thoát nước của nền thiết kế.

Bố trí hệ thống hệ thống cống tròn và hố ga BTCT thu nước dọc theo các trục đường giao thông trong khu quy hoạch.

Sử dụng cống BTCT D500, D600, D800.

3.4. Quy hoạch hệ thống cấp nước;

Nguồn nước cấp: hiện nay chưa có hệ thống cấp nước tập trung của khu vực đi qua, do đó giai đoạn trước mắt nguồn nước cấp cho khu vực dự kiến sử dụng từ nguồn nước ngầm được lấy từ giếng khoan, chủ đầu tư sẽ tiến hành khảo sát vị trí và khoan giếng.

Mạng lưới ống bố trí mạng lưới vòng, cấp nước sinh hoạt và chữa cháy được bố trí mạng lưới riêng, đảm bảo an toàn, thuận lợi cho việc cấp nước.

Nước từ 2 hệ thống giếng khoan bố trí tại ở phía Bắc dự án, nằm dọc đường số 5 và phía Tây dự án, nằm dọc đường số 8 đề cấp vào các bể nước chữa cháy và cung cấp nước cho sinh hoạt và sản xuất trong khu vực.

Những nơi ống đi qua đường được đi ngầm và lắp đặt ống lồng bên ngoài (ống kim loại) và đệm cát trên lưng cũng như dưới đáy ống.

Tại vị trí chuồng trại ngoài hệ thống ống chữa cháy bên ngoài chuồng trại, sẽ bố trí các hệ thống chữa cháy bên trong và sẽ được thiết kế chi tiết khi triển khai xây dựng hệ thống chuồng trại.

Giai đoạn này chủ đầu tư chỉ đầu tư đường ống cấp nước vào bể, hệ thống bể chữa cháy và hệ thống cấp nước chữa cháy bên ngoài. Đường ống cấp nước chữa cháy cho hệ thống bê trong sẽ được được đầu tư theo giai đoạn khi triển khai xây dựng hệ thống chuồng trại.

Ống cấp nước vào bể dùng ống đường kính D100mm.

Đường ống cấp nước chữa cháy được bố trí dọc theo hệ thống giao thông dọc chuồng trại.

Bố trí 17 trụ chữa cháy D100mm mới trên các tuyến ống cấp nước mới khoảng cách 2 trụ không quá 150m.

Phụ tùng thiết bị dùng phụ tùng gang và thép mạ kẽm.

3.5. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải

Nguồn tiếp nhận: toàn bộ nước thải của khu vực quy hoạch sau khi thu gom sẽ thoát tại điểm tập trung nước cuối cùng ở phía Nam khu vực sẽ được thoát vào trạm xử lý nước thải xây dựng mới ở trang trại bà Võ Thị Ba. Nước thải sau khi được xử lý đạt tiêu chuẩn sẽ được tái sử dụng lại cho nhu cầu sản xuất và chăn

nuôi của trang trại (đã có thoả thuận đấu nối thoát nước thải về trạm xử lý nước thải xây dựng mới).

Nước thải trong khu vực nghiên cứu được thoát ra hệ thống thoát nước thải riêng biệt ở bên ngoài có kích thước cống: D300mm, D400mm về khu vực xử lý nước thải ở phía Nam dự án.

Quy trình hoạt động:

- Nước thải phát sinh từ các dãy chuồng trại nuôi heo theo hệ thống mương dẫn chảy về Bể điều hòa số. Trước khi vào Bể điều hòa nước thải được loại bỏ các vật có kích thước lớn >1-2mm nhờ song chắn rắc đặt tại hố ga trước bể điều hòa. Bể điều hòa được thiết kế chia làm 02 line riêng biệt với mục tiêu chia tải điều tiết lưu lượng, vận hành độc lập trong trường hợp có 01 line gặp sự cố.

- Nước thải sau thời gian lưu phù hợp tại bể điều hòa được máy khuấy chìm đảo trộn đều đánh tan các váng cặn, tạo sự đồng nhất đối với dung dịch trong bể và bơm qua hệ thống Máy tách nước. Máy tách nước là loại máy dùng màng lọc dây nêm có kích thước khe lưới 0.35mm để tách bớt nước trong dung dịch thải.

- Hệ thống máy tách nước được thiết kế 03 máy hoạt động độc lập. Các loại cặn sau khi được máy tách nước giữ lại sẽ được thu gom xuống bể chứa phân. Nước thải sau quá trình tách nước tự chảy vào hố trung gian trước khi được phân phối vào các họng nạp của hệ thống hầm Biogas.

- Cặn lắng chứa tại bể chứa phân được phối trộn tỉ lệ phù hợp trước khi bơm nạp vào hệ thống 02 máy tách phân đặt song song. Thời gian hoạt động của máy tách phân là 6h/ngày. Nước dư từ quá trình tách ép được thu gom vào hố trung gian.

- Nước thải sau thu gom và quá trình tách nước, tách ép phân được thu gom toàn bộ vào hố ga trung gian. Đường ống dẫn nước thải từ hố trung gian đến được thiết kế bằng ống bê tông. Tại hố ga nước thải được chia thành 02 nhánh để cấp vào 02 hệ thống hầm biogas. Nước thải từ được phân phối vào 02 hầm Biogas.

- Hầm biogas được thiết kế 02 điểm cấp nước đầu vào và 02 điểm thu nước đầu ra nhằm loại bỏ sự phân tầng của nước, hạn chế vùng nước chết (nước không luân chuyển) đến mức thấp nhất, tạo điều kiện tốt nhất cho việc xáo trộn giữa nước thải đầu vào và hệ thống bùn vi sinh kỵ khí trong hầm Biogas. Bên cạnh việc phân phối chia tải các điểm đầu vào của Biogas, Đơn vị thiết kế còn bố trí các đường ống công nghệ đi kèm nhằm giải quyết vấn đề tắc nghẽn đường ống, hút cặn bã ra khỏi hầm sau thời gian dài vận hành.

3.6. Quy hoạch hệ thống cấp điện, chiếu sáng

Nguồn cung cấp điện cho khu quy hoạch từ tuyến 22kV hiện hữu trên Đường ĐH.707 nằm ở phía Bắc dự án.

Căn cứ vào nhu cầu sử dụng điện tính toán, xây dựng mới 1 trạm biến áp 22/0,4kV 400kVA để đảm bảo cấp điện cho hoạt động của toàn khu vực.

Xây dựng mới tuyến trung thế 22kV đi nổi đấu nối từ Đường ĐH.707 về khu

quy hoạch.

Từ trạm biến áp xây dựng mới các tuyến hạ thế đi ngầm dọc theo các tuyến đường để cung cấp cho khu văn phòng, các khu kỹ thuật và các chuồng trại trong khu quy hoạch.

Đường dây 3P-1N được thiết kế theo tiêu chuẩn đường dây cáp nổi (3P + 1N)-0,4kV.

Dây dẫn: sử dụng cáp hạ thế nổi LV – ABC để đi đến các tủ điện phân phối, hành lang phải đảm bảo cho tuyến đường dây.

Nguồn cấp điện chiếu sáng lấy nguồn tủ điều khiển chiếu sáng đặt tại khu vực nhà bảo vệ.

Hệ thống chiếu sáng của khu quy hoạch được thiết kế đi ngầm. Sử dụng cáp ngầm chiếu sáng chuyên dụng 0,4kV CXV/DSTA luồn trong ống PVC chịu lực chôn ngầm trong đất, hoặc đi trong mương cáp ở độ sâu là 0,7m.

Đèn đường là loại đèn Led ánh sáng trắng, công suất 100W để tiết kiệm điện năng tiêu thụ, được đặt trên trụ STK cao cách mặt đường 7 đến 10 mét, cách khoảng trung bình 30 – 40m dọc theo các tuyến đường.

Các tuyến đèn đường được điều khiển đóng mở tự động bằng các rơ le thời gian hay rơ le quang điện.

3.7. Quy hoạch mạng lưới thông tin liên lạc

Nguồn cấp thông tin cho khu quy hoạch là tuyến thông tin hiện hữu trên Đường ĐH.707. Từ vị trí đấu nối tuyến cáp sẽ đi ngầm và dẫn về khu quy hoạch cung cấp cho nhu cầu của khu quy hoạch.

Chủ đầu tư sẽ đăng ký dịch vụ với các doanh nghiệp cung cấp viễn thông địa phương để đầu tư xây dựng tuyến cáp.

4. Quy định về quản lý môi trường

4.1. Giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng từ hoạt động giao thông khi ra vào dự án

Các phương tiện giao thông khi ra vào khu vực dự án sẽ được yêu cầu dừng lại khử trùng tại nhà sát trùng xe thông qua hệ thống phun thuốc khử trùng. Công nhân, khách hàng và tài xế khi vào trại cũng đều phải qua hệ thống sát trùng người riêng nhằm đảm bảo an toàn sinh học cho chuồng trại.

Các phương tiện giao thông này, trước khi ra khỏi trại cũng sẽ được phun xịt nước để làm sạch bánh xe, tránh mang các chất ô nhiễm trong chuồng trại ra ngoài khu vực đường chính.

4.2. Giải pháp giảm thiểu ảnh hưởng của khí thải, mùi hôi

a. Tạo vành đai cách ly:

Trong khoảng cách này chủ đầu tư sẽ bố trí trồng nhiều cây xanh tạo khoảng cách cách ly từ dự án đến các đối tượng xung quanh, giảm thiểu tối đa sự ảnh

hưởng của mùi hôi đến các đối tượng xung quanh.

Vị trí trang trại cách xa trên 500m với trường học, công sở, bệnh viện, công viên, khu vui chơi giải trí, nhà máy xí nghiệp, điểm dân cư tập trung và đường giao thông chính cũng như công trình văn hóa, tôn giáo, di tích lịch sử và cách hộ dân gần nhất là 1000m.

Chủ dự án cam kết duy trì khoảng cách ly và vành đai an toàn này trong suốt thời gian hoạt động dự án.

b. Biện pháp giảm thiểu mùi, khí thải:

Chuồng trại được thiết kế theo mô hình trang trại nuôi lạnh, kín hoàn toàn. Chuồng được làm mát bằng hệ thống quạt hút và tấm làm mát giải nhiệt bằng hơi nước. Hơi lạnh trong chuồng nuôi luôn được điều chỉnh đảm bảo nhiệt độ, độ ẩm cũng như độ thông thoáng thích hợp cho heo. Nhiệt độ trong chuồng tăng lên, rơle cảm biến sẽ báo đến hệ thống làm lạnh để tăng cường thổi hơi lạnh vào để đưa nhiệt độ tới mức yêu cầu, khi nhiệt độ xuống thấp thì sẽ báo cho hệ thống làm lạnh giảm hoặc ngưng hoạt động. Khu vực chuồng nuôi luôn thông thoáng, mát mẻ, và nền chuồng luôn đảm bảo khô thoáng, giảm độ ẩm trong phân heo, hạn chế được mùi hôi phát sinh từ quá trình phân giải phân heo.

Định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 3 lần/1 tuần, phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy chuồng nuôi ít nhất 01 tuần/lần khi không có dịch bệnh và ít nhất 1 lần/ ngày khi có dịch bệnh.

Định kỳ vệ sinh toàn bộ khu vực chuồng trại đảm bảo chuồng trại sạch, thoáng hạn chế mùi hôi phát sinh.

Định kỳ vệ sinh, bảo dưỡng hệ thống quạt hút, giàn làm lạnh của dự án đảm bảo các thiết bị luôn hoạt động hiệu quả, nhằm đảm bảo chuồng trại luôn khô thoáng, hạn chế mùi hôi phát sinh.

c. Giảm thiểu ảnh hưởng của nước thải:

Tổng lưu lượng nước thải chăn nuôi phát sinh tại dự án lớn nhất là trong ngày vệ sinh chuồng trại với lưu lượng là 130 m^3/ngày. Chủ dự án dự kiến đầu tư xây dựng khu xử lý nước thải, sẽ đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh của trại.

V. Giải pháp về nguồn vốn và tổ chức thực hiện

1. Khả năng thu xếp vốn:

- Khu Trại chăn nuôi heo của bà Lê Thị Bích Thủy theo mô hình trại lạnh, quy mô chăn nuôi 5.000 con heo nái sinh sản được Chủ đầu tư thu xếp cung ứng 100% bằng nguồn vốn của chủ đầu tư nhằm đảm bảo tạo quỹ đất sạch.

- Đối với việc đầu tư xây dựng công trình Chủ đầu tư sẽ xây dựng đồng bộ, thống nhất quản lý về hình thức kiến trúc khu vực; các hạng mục khác tùy điều kiện cụ thể, Chủ đầu tư sẽ đầu tư xây dựng hoặc huy động, liên kết đầu tư với các

nhà đầu tư thứ cấp từ giai đoạn xây dựng đến giai đoạn khai thác, vận hành.

- Trong quá trình thực hiện dự án, nếu có nhu cầu huy động vốn, Công ty sẽ tiến hành theo đúng quy định của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ.

2. Nguồn vốn: Vốn của chủ đầu tư và huy động.

Điều 2. Hộ kinh doanh Lê Thị Bích Thủy là chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau:

- Liên hệ với Ủy ban nhân dân xã Minh Thạnh để thực hiện công bố, công khai đồ án quy hoạch theo quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện dự án, đánh giá tác động môi trường, thỏa thuận phòng cháy chữa cháy và triển khai các bước tiếp theo đúng theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Tiếp tục thực hiện các bước tiếp theo đúng trình tự và quy định pháp luật. Kiểm tra, giám sát việc xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Quản lý Đô thị, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Trưởng phòng Kinh tế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Minh Thạnh; Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- CT, các PCT
- Các Sở XD, TNMT;
- Như điều 3;
- LĐVP, CV(XP);
- Lưu: VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG T. BÌNH DƯƠNG

Trần Quang Tuyên